

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4206/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1853/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7159/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7678/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Thành N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường H, khu phố N, phường Hiệp B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1968

Địa chỉ: Đường H, khu phố B, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trương Thành N, bà Bùi Thị P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Thành N trình bày:

Ông và bà Bùi Thị P tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (nay là

thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn 116/2019, ngày 28/5/2019.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột từ chuyện tiền bạc đến tình cảm, cách sống. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 6/2022, vợ chồng xô xát và bà P đã bỏ nhà đi không còn sống chung, ông và bà P cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông N nghi ngờ bà P có tình cảm với người đàn ông khác. Ông N xác định tình cảm với bà P không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông N xác định trong quá trình chung sống ông và bà P không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định quá trình chung sống ông và bà P không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Ông N không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Bùi Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trương Thành N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ gia đình, do quan hệ hôn nhân giữa ông và bà P đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn.

Bị đơn bà Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà P xác định quá trình tiến tới hôn nhân đúng như Ông N trình bày. Theo bà P, từ tháng 7/2022, Ông N đánh và đuổi bà ra khỏi nhà. Bà xác định sau khi Ông N đuổi đi thì bà có về nhà ở phường Hiệp Bình Chánh nói chuyện với Ông N nhiều lần để lấy đồ đạc cá nhân. Bà P cho rằng Ông N không chung thủy, có tình cảm với người phụ nữ khác. Tuy nhiên bà P xác định bà và Ông N vẫn chung sống hạnh phúc. Do đó bà P không đồng ý với yêu cầu ly hôn của Ông N. Trường hợp Ông N kiên quyết ly hôn thì bà P yêu cầu Ông N phải đưa cho bà số tiền 100.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn thì bà mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: bà P xác nhận bà và Ông N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà P xác nhận không có

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thành N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức thì bị đơn bà Bùi Thị P có cư trú tại địa chỉ thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Thành N và bà Bùi Thị P tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành Phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/5/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của Ông N về việc ly hôn với bà P:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng Ông N và bà P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Cụ thể từ tháng 7/2022, Ông N và bà P đã mâu thuẫn dẫn đến xô xát, bà P cũng xác nhận vợ chồng bà mâu thuẫn cãi nhau dẫn đến xô xát và bà bỏ đi là có thật. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không tin tưởng nhau trong vấn đề tình cảm vì cả Ông N và bà P cùng nghi ngờ nhau có quan hệ tình cảm với người khác. bà P xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng lại trình bày chỉ đồng ý ly hôn nếu Ông N đưa cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Đồng thời trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên

cũng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc.

Qua ý kiến trình bày của Ông N và bà P, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông N và bà P đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Do đó, Ông N yêu cầu ly hôn với bà P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Ông N và bà P xác định trong quá trình chung sống ông và bà P không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về ý kiến của bà P yêu cầu Ông N đưa số tiền 100.000.000 đồng mới đồng ý ly hôn, không được Ông N chấp nhận. bà P xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thành N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 6 khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thành N:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Thành N được ly hôn với bà Bùi Thị P.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương Thành N và bà Bùi Thị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Thành N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028030 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Thành N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Trương Thành N và bà Bùi Thị P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Đoàn